TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2020/DS - ST
Ngày: 05/10/2020
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Quang Định và bà Nguyễn Thị Xuân

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Nghĩa - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Uông Bí.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28/9/2020 và 05/10/2020, tại Phòng xử án - Toà án nhân dân thành phố Uông Bí xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2020/TLST - DS ngày 21/5/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST- DS ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông **Trương Đức M**, sinh năm 1978. Nơi cư trú:: Tổ 4, khu T, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

2.Bị đơn: Ông **Hoàng Tiến D**, sinh năm 1970. Đăng ký NKTT: Tổ 19, khu 3, phường Y, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú: Tổ 1, khu 2, phường T, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, ông Trương Đức M trình bày:

Ông và ông Hoàng Tiến D (bị đơn) có quan hệ là bạn bè quen biết. Vào ngày 05/02/2013 ông có vay giúp ông D số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) của một người bạn và có thỏa thuận về trả lãi, thời hạn trả tiền gốc là vào tháng 12/2013. Sau khi vay được số tiền trên, ông D đã không trả lãi hàng tháng cho người mà ông đã vay tiền hộ, vì vậy ông đã phải bỏ tiền của mình ra để trả lãi hộ ông D. Đến tháng 6/2016, ông và ông D đã thỏa thuận lại với nhau là cộng cả số tiền gốc và tiền lãi ông đã trả hộ ông D tính đến thời điểm đó ông D còn nợ là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Vì thế, vào ngày 10/6/2016 ông D

đã viết Giấy vay tiền, nội dung là đã vay của ông số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), không tính lãi suất, thời hạn trả là ngày 31/12/2016. Tại phiên hòa giải, ông M có quan điểm từ sau tháng 6/2016 đến nay, ông D đã trả được cho ông 15.000.000đ. Tại phiên tòa ông có quan điểm ông D chưa trả được cho ông số tiền nào. Từ sau ngày 31/12/2016, mặc dù rất nhiều lần ông yêu cầu ông D trả tiền, nhưng ông D đều khất nợ, ông đã chấp nhận cho ông D khất nợ, nhưng ông D cũng không thanh toán như đã hẹn. Đến nay yêu cầu khởi kiện của ông là: Buộc ông D phải trả cho ông số tiền gốc 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm trả là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng); tổng tiền gốc và tiền lãi là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng); trả toàn bộ, một lần, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến trình bày của bị đơn, ông Hoàng Tiến D:

Về nội dung ông đã vay tiền của ông M vào năm 2013 ông thừa nhận như ông M đã trình bày là đúng. Sau khi vay tiền, tính đến tháng 6/2016 ông đã trả cho ông M một số tiền nhưng không nhớ chính xác là bao nhiêu. Vào ngày 10/6/2016, ông M yêu cầu ông viết lại Giấy vay tiền với tổng số tiền là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), ông đồng ý, sau đó ông đã viết Giấy vay tiền. Ông thừa nhận Giấy vay tiền mà ông M đã nộp cho Tòa án là do ông viết và ký tên. Sau ngày 10/6/2016 cho đến nay, ông đã trả cho ông M được một số tiền rồi nhưng không nhớ chính xác là bao nhiêu, khoảng 15-20 triệu đồng. Khi trả tiền hai bên cũng không viết giấy biên nhận. Quan điểm của ông đối với yêu cầu khởi kiện của ông M là: Ông đồng ý trả số tiền 150.000.000đ cho ông M, nhưng do điều kiện kinh tế của ông rất khó khăn, ông xin trả dần theo phương thức mỗi tháng trả 1.000.000đ (một triệu đồng), trong vòng 10 năm. Nếu ông D không đồng ý phương thức trả dần như ông đưa ra, ông chỉ chấp nhận là còn nợ ông M số tiền 130.000.000đ. Về tiền lãi ông đề nghị tính lãi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có quan điểm: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng việc thụ lý vụ án, xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn giải quyết. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đảm bảo các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

- Quan hệ tranh chấp: Là tranh chấp về dân sự, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thời hiệu khởi kiện: Đảm bảo theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn ông Nguyễn Đức M và bị đơn ông Hoàng Tiến D đều trình bày việc ông D viết Giấy vay tiền ngày 10/6/2016 là xuất phát từ khoản tiền ông D có nhờ ông M vay hộ ông số tiền 100.000.000đ từ năm 2013. Theo đó, sau khi ông D vay 100.000.000đ vào năm 2013 (có lãi suất) nhưng ông D không trả lãi đều đặn nên ông M phải trả lãi hộ ông D. Vì vậy hai bên đã thống nhất tổng tiền gốc và tiền lãi ông D còn nợ tính đến ngày 10/6/2016 là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

Giấy vay tiền đề ngày 10/6/2016 nội dung thể hiện ông D vay của ông M số tiền 150.000.000đ vào ngày 10/6/2016; không thỏa thuận tiền lãi; thời hạn trả là ngày 31/12/2016. Vì vậy Giấy vay tiền ngày 10/6/2016 đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của bên vay tiền và bên cho vay tiền.

Xét quá trình trả nợ của ông D: Kể từ sau ngày 10/6/2016, ông M cho rằng ông D chưa trả được cho ông số tiền nào. Quan điểm của ông D là đã trả được bao nhiêu ông không nhớ, chỉ nhớ khoảng 15-20 triệu, nhưng ông không có tài liệu, chứng cứ để chứng M về số tiền đã trả. Do ông M không chấp nhận số tiền ông D đưa ra là đã trả và ông D cũng không chứng M được nên không có căn cứ chấp nhận quan điểm của ông D, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M về số tiền nợ gốc ông D còn nợ ông M là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

Về tiền lãi: Trong Giấy vay tiền hai bên không thỏa thuận về lãi, nên không buộc ông D phải trả lãi trong hạn trên số tiền gốc. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông M yêu cầu ông D phải trả lãi chậm trả do đến hạn mà ông D không trả (thỏa thuận thời hạn trả là ngày 31/12/2016). Xét thấy yêu cầu trên của ông M phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 nên được chấp nhận.

Về số tiền lãi ông D phải trả: Căn cứ khoản 4 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự, lãi suất được xác định là 10%/năm. Thời gian quá hạn kể từ ngày 01/01/2017 đến ngày 05/10/2020 là 03 năm 09 tháng 05 ngày. Do đó số tiền lãi được tính là: 150.000.000 x 10% x (03 năm 09 tháng 05 ngày) = 56.300.000đ (năm mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, ông M chỉ yêu cầu ông D phải thanh toán 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), ông D cũng chấp nhận, nên buộc ông D phải thanh toán cho ông M số tiền lãi là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Như vậy, số tiền ông D phải trả cho ông M là: Tiền gốc 150.000.000đ, tiền lãi 50.000.000đ. Tổng: 150.000.000đ + 50.000.000đ = 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Về phương thức trả tiền: Quan điểm của ông M yêu cầu ông D phải trả toàn bộ, một lần. Ông D đề nghị được trả dần theo phương thức mỗi tháng trả 1.000.000đ. Do hai bên không thống nhất được phương thức trả tiền, mặt khác

trong Giấy vay tiền cũng không thỏa thuận phương thức trả dần như quan điểm của ông D, nên cần chấp nhận yêu cầu của ông M và buộc ông D phải trả một lần, toàn bộ số tiền trên cho ông M.

Từ những nhận định trên đây, xét thấy có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định. Số tiền án phí ông D phải chịu là: 200.000.000đ x 5% = 10.000.000đ.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 150, Điều 266, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí của Uỷ ban thường vụ quốc hội;

Căn cứ điểm b Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Đức M.

2. Buộc ông Hoàng Tiến D phải trả cho ông Trương Đức M tổng số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

3. Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có Đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

4. Về án phí: Ông Hoàng Tiến D phải chịu 10.000.000đ (mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Ông Trương Đức M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại ông Trương Đức M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000đ (ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003374 ngày 21/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng ninh.

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND TP Uông Bí;
-TAND tỉnh Quảng Ninh;
-Chi cục thi hành án DS TP Uông Bí;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Giang Thanh